

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Quyền Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – CTCK)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – CTCK)	8
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a – CTCK)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – CTCK)	11

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 29/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 11 năm 2014 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Thủy	Thành viên
Bà Trương Thị Đàm	Thành viên
Ông Đinh Hoàng Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Cường	Quyền Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------------

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
---------------------	----------------------------

#### Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh là tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

#### Trụ sở chính

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

### TRÁCH NHIỆM CỦA QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Quyền Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Quyền Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 29. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Minh Cường  
Quyền Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 11 tháng 8 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2015 và được Quyền Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2015. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên cùng các thuyết minh cho các báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 4 đến 29.

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận

Căn cứ vào kết quả công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được trình bày trung thực và hợp lý phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

**Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
PRICEWATERHOUSECOOPERS  
VIỆT NAM

Phạm Thị Xuân Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1771-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM4898

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015



Hồ Ngọc Thăng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2262-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01a – CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>333.218.274.533</b>	<b>138.094.247.461</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	54.880.911.770	20.261.727.691
111	Tiền		9.380.911.770	8.261.727.691
112	Các khoản tương đương tiền		45.500.000.000	12.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>261.589.502.081</b>	<b>107.089.108.739</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		266.506.003.539	112.608.503.539
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.916.501.458)	(5.519.394.800)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>16.438.097.616</b>	<b>10.512.308.577</b>
131	Phải thu của khách hàng		10.000.000	10.000.000
132	Ứng trước cho người bán		50.000.000	50.000.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		68.390	116.133
138	Các khoản phải thu khác	6	31.307.416.959	22.881.580.177
139	Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(14.929.387.733)	(12.429.387.733)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>309.763.066</b>	<b>231.102.454</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	309.363.066	230.702.454
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	400.000	400.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.758.044.284</b>	<b>191.718.692.658</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.459.352.243</b>	<b>2.037.927.101</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	400.770.662	488.392.478
222	Nguyên giá		6.080.101.143	6.497.860.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.679.330.481)	(6.009.467.819)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	1.058.581.581	1.549.534.623
228	Nguyên giá		6.347.055.040	6.347.055.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.288.473.459)	(4.797.520.417)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	-	<b>187.000.000.000</b>
258	Đầu tư dài hạn khác		-	187.000.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.298.692.041</b>	<b>2.680.765.557</b>
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	1.880.620.979	1.330.620.979
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.267.532.562	1.199.606.078
268	Tài sản dài hạn khác	9	150.538.500	150.538.500
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>337.976.318.817</b>	<b>329.812.940.119</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 01a – CTCK

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			30.6.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.122.338.151</b>	<b>8.823.212.300</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>14.122.338.151</b>	<b>8.823.212.300</b>
312	Phải trả người bán		8.745.754	8.745.754
313	Người mua trả tiền trước		30.000.000	30.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	704.062.115	499.292.278
315	Phải trả người lao động		-	54.000.000
316	Chi phí phải trả		76.347.901	52.189.153
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	2.925.097.549	3.718.056.881
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	8.810.604.014	3.284.805.326
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16	1.446.766.580	1.121.115.040
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	120.714.238	55.007.868
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>323.853.980.666</b>	<b>320.989.727.819</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>323.853.980.666</b>	<b>320.989.727.819</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.030.217.153	4.868.459.192
418	Quỹ dự phòng tài chính		5.030.217.153	4.868.459.192
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		153.609.293	257.109.293
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.639.937.067	10.995.700.142
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>337.976.318.817</b>	<b>329.812.940.119</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		30.6.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>290.100.470.000</b>	<b>299.269.020.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	98.116.650.000	103.043.760.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	16.255.880.000	15.779.800.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	81.860.770.000	87.263.960.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	90.831.060.000	95.031.060.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	90.831.060.000	95.031.060.000
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	101.150.000.000	101.150.000.000
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	101.150.000.000	101.150.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	2.100.000	44.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	2.100.000	44.200.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	660.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	660.000	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>21.784.420.000</b>	<b>21.548.260.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	20.935.440.000	20.378.770.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	970.000	920.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	20.934.470.000	20.377.850.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	848.980.000	1.169.490.000
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	2.690.000	2.690.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	846.290.000	1.166.800.000



Phan Tuyết Minh  
Người lập



Nguyễn Hoàng Phương Thanh  
Kế toán




Nguyễn Minh Cường  
Quyền Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.6.2015 VNĐ	30.6.2014 VNĐ
01	<b>Doanh thu</b>	<b>10.101.761.297</b>	<b>14.079.534.567</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	37.404.025	263.196.859
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19 292.189.900	3.434.763.399
1.4	Doanh thu hoạt động tư vấn	-	81.818.182
1.9	Doanh thu khác	20 9.772.167.372	10.299.756.127
02	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
10	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.101.761.297</b>	<b>14.079.534.567</b>
11	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21 <b>(1.273.023.700)</b>	<b>(5.697.971.541)</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>8.828.737.597</b>	<b>8.381.563.026</b>
25	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	22 <b>(4.763.923.744)</b>	<b>1.351.024.581</b>
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.064.813.853</b>	<b>9.732.587.607</b>
31	Thu nhập khác	413.633	131.546.478
32	Chi phí khác	-	(77.173.066)
40	<b>Thu nhập khác – thuần</b>	<b>413.633</b>	<b>54.373.412</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.065.227.486</b>	<b>9.786.961.019</b>
51	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	23 <b>(1.380.068.269)</b>	<b>(983.462.361)</b>
52	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	23 <b>550.000.000</b>	<b>(1.038.851.366)</b>
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>3.235.159.217</b>	<b>7.764.647.292</b>
70	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	24 <b>108</b>	<b>259</b>

  
Phan Tuyết Minh  
Người lập


  
Nguyễn Hoàng Phương Thanh  
Kế toán


  
  
Nguyễn Minh Cường  
Quyền Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.6.2015 VNĐ	30.6.2014 VNĐ
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b> <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	<b>4.065.227.486</b>	<b>9.786.961.019</b>
02	Khấu hao tài sản cố định	578.574.858	743.218.216
03	Các khoản dự phòng	1.897.106.658	(455.886.746)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(9.703.785.888)	(10.934.222.467)
08	<b>Lỗ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(3.162.876.886)</b>	<b>(859.929.978)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	32.909.409.339	(90.971.776.610)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	5.785.318.600	(3.864.851.592)
12	Tăng các chi phí trả trước	(78.660.612)	(129.562.564)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.139.008.056)	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(399.519.816)	(365.363.921)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>33.914.662.569</b>	<b>(96.191.484.665)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	83.599.054
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	80.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.471.087.510	16.294.662.220
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>1.471.087.510</b>	<b>96.378.261.274</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(766.566.000)	(2.679.610.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(766.566.000)</b>	<b>(2.679.610.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>34.619.184.079</b>	<b>(2.492.833.391)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	20.261.727.691	8.955.200.840
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	54.880.911.770	6.462.367.449

  
 Phan Tuyet Minh  
 Người lập

  
 Nguyễn Hoàng Phương Thanh  
 Kế toán



  
 Nguyễn Minh Cường  
 Quyền Tổng Giám đốc  
 Chữ ký được ủy quyền  
 Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 05a – CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>4.158.326.913</b>	<b>4.158.326.913</b>	<b>330.709.293</b>	<b>7.817.424.942</b>	<b>316.464.788.061</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.202.645.581	14.202.645.581
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	710.132.279	710.132.279	-	(1.420.264.558)	-
- Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(73.600.000)	-	(73.600.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(604.105.823)	(604.105.823)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>4.868.459.192</b>	<b>4.868.459.192</b>	<b>257.109.293</b>	<b>10.995.700.142</b>	<b>320.989.727.819</b>
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.235.159.217	3.235.159.217
- Trích lập quỹ trong kỳ (*)	-	161.757.961	161.757.961	-	(323.515.922)	-
- Sử dụng quỹ trong kỳ (**)	-	-	-	(103.500.000)	-	(103.500.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(267.406.370)	(267.406.370)
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>5.030.217.153</b>	<b>5.030.217.153</b>	<b>153.609.293</b>	<b>13.639.937.067</b>	<b>323.853.980.666</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**


- (\*) Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập các quỹ sau:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
  - Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- (\*\*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm (“Quỹ thưởng khách hàng”). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.



Phan Tuyết Minh  
Người lập



Nguyễn Hoàng Phương Thanh  
Kế toán



Nguyễn Minh Cường  
Quyền Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 11 tháng 8 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 11 năm 2014 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Ngày 7 tháng 6 năm 2013, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC – UBCK do UBCKNN cấp, thay đổi địa điểm trụ sở chính.

Trong tháng 1 năm 2014, Công ty đã nộp hồ sơ đóng cửa chi nhánh Hà Nội và được UBCKNN chấp thuận theo Quyết định số 203/QĐ – UBCK ngày 9 tháng 3 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký; tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 20 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 20 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (bao gồm cả tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn còn lại dưới ba tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**2.6 Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư tài chính ngắn hạn*

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi trong vòng 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Đầu tư tài chính dài hạn*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi sau hơn 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi sau hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ cung cấp dịch vụ, phải thu từ mua bán các khoản đầu tư, phải thu từ giao dịch ứng trước và giao dịch ký quỹ cho nhà đầu tư, dự thu tiền lãi và thu nhập cổ tức và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc/hợp đồng gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Quyền Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	33,3%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14,3% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20% - 33,3%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.9 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.10 Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư được xác lập.

*Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Thu nhập lãi của các khoản tạm ứng quá hạn không được trích trước mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

**2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.12 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

**2.13 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**2.16 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.6.2015</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	19.502.168	22.537.109
Tiền gửi ngân hàng	9.361.409.602	8.239.190.582
Các khoản tương đương tiền	45.500.000.000	12.000.000.000
Trong đó:		
<i>Tiền của Công ty</i>	46.070.307.756	16.985.972.365
<i>Tiền của nhà đầu tư (Thuyết minh 15)</i>	8.810.604.014	3.275.755.326
	<u>54.880.911.770</u>	<u>20.261.727.691</u>

**4 GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỶ**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ</b>
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	222.619	2.602.500.000
b) Của nhà đầu tư	1.562.740	19.641.473.000
	<u>1.562.740</u>	<u>19.641.473.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá trị trường		Giá trị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
<b>(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>266.506.003.539</b>	<b>17.112.700.819</b>	<b>(4.916.501.458)</b>	<b>278.702.202.900</b>	<b>(4.916.501.458)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	11.448.199.539	17.112.700.819	(4.785.420.125)	23.775.480.233	(4.785.420.125)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	1.557.804.000	-	(131.081.333)	1.426.722.667	(131.081.333)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (iii)	253.500.000.000	-	-	253.500.000.000	-
	<b>266.506.003.539</b>	<b>17.112.700.819</b>	<b>(4.916.501.458)</b>	<b>278.702.202.900</b>	<b>(4.916.501.458)</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
<b>(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>112.608.503.539</b>	<b>11.015.691.638</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	<b>118.104.800.377</b>	<b>(5.519.394.800)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết	11.448.199.539	11.015.691.638	(3.999.090.795)	18.464.800.382	(3.999.090.795)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4.160.304.000	-	(1.520.304.005)	2.639.999.995	(1.520.304.005)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	97.000.000.000	-	-	97.000.000.000	-
<b>(b) Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>187.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>187.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	187.000.000.000	-	-	187.000.000.000	-
	<b>299.608.503.539</b>	<b>11.015.691.638</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	<b>305.104.800.377</b>	<b>(5.519.394.800)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các sở giao dịch chứng khoán.
- (ii) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông cung cấp.
- (iii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước và được ghi nhận theo giá gốc.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30.6.2015</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.382.246.738	2.857.358.460
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	8.627.032.909	8.726.999.909
Các khoản phải thu khác	10.402.224	9.486.720
	<u>31.307.416.959</u>	<u>22.881.580.177</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Tại ngày 30.6.2015		Tại ngày 31.12.2014	
	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ	Giá trị nợ phải thu khó đòi VNĐ	Mức trích lập dự phòng VNĐ
Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088	11.287.735.088	8.787.735.088
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	8.627.032.909	3.641.652.645	8.726.999.909	3.641.652.645
		<u>14.929.387.733</u>		<u>12.429.387.733</u>

Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư và phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết do Công ty nắm giữ.

Mức trích lập dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của nợ phải thu khó đòi và giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015****7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ</b>	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ/năm	12.429.387.733	18.418.076.162
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ/năm (Thuyết minh 22)	2.500.000.000	(5.988.688.429)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>14.929.387.733</u>	<u>12.429.387.733</u>

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ</b>	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ/năm	230.702.454	224.895.056
Tăng trong kỳ/năm	693.633.787	1.740.817.373
Phân bổ trong kỳ/năm	(614.973.175)	(1.735.009.975)
Số cuối kỳ/năm	<u>309.363.066</u>	<u>230.702.454</u>

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu liên quan đến chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán hằng năm của Công ty:

**9 TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc thiết bị VNĐ</b>	<b>Thiết bị quản lý VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.046.180.890	5.451.679.407	<b>6.497.860.297</b>
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	<b>(417.759.154)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>940.756.406</u>	<u>5.139.344.737</u>	<b><u>6.080.101.143</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	718.815.685	5.290.652.134	<b>6.009.467.819</b>
Khấu hao trong kỳ	66.429.216	21.192.600	<b>87.621.816</b>
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	<b>(417.759.154)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>679.820.417</u>	<u>4.999.510.064</u>	<b><u>5.679.330.481</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>327.365.205</u>	<u>161.027.273</u>	<b><u>488.392.478</u></b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>260.935.989</u>	<u>139.834.673</u>	<b><u>400.770.662</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.404.520.367 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.822.279.521 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.347.055.040
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.797.520.417
Khấu hao trong kỳ	490.953.042
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.288.473.459
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.549.534.623
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.058.581.581

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.807.731.205 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.807.731.205 đồng).

**11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	<b>30.6.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	1.880.620.979	1.330.620.979

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ được ghi nhận như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ</b>	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.330.620.979	2.810.325.896
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 23)	550.000.000	(1.479.704.917)
Số dư cuối kỳ/năm	1.880.620.979	1.330.620.979

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 7).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**12 QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ</b>	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.199.606.078	954.270.626
Tiền nộp bổ sung và lãi	67.926.484	245.335.452
Số dư cuối kỳ/năm	<u>1.267.532.562</u>	<u>1.199.606.078</u>

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30.6.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	671.604.455	430.544.242
Thuế thu nhập cá nhân	32.457.660	68.748.036
	<u>704.062.115</u>	<u>499.292.278</u>

**14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 25(b))	2.084.164.000	2.850.730.000
Kinh phí công đoàn	29.095.926	32.440.758
Phải trả khác	811.837.623	834.886.123
	<u>2.925.097.549</u>	<u>3.718.056.881</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015****15 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (*) (Thuyết minh 3)	8.810.604.014	3.275.755.326
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	-	9.050.000
Số cuối kỳ/năm	<u>8.810.604.014</u>	<u>3.284.805.326</u>

(\*) Khoản tiền này thể hiện tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

**16 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 25(b)).

**17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2015 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2014 VNĐ
Số đầu kỳ/năm	55.007.868	156.212.045
Trích lập quỹ trong kỳ/năm	267.406.370	604.105.823
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(201.700.000)	(705.310.000)
Số cuối kỳ/năm	<u>120.714.238</u>	<u>55.007.868</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 4% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**
**18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 6 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp VNĐ
	VNĐ	%	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	15.000.000.000	5	15.000.000.000
Các cổ đông khác	74.942.000.000	25	74.942.000.000
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>

**19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015 VNĐ	30.6.2014 VNĐ
Thu nhập cổ tức	292.189.900	594.625.899
Thu nhập lãi trái phiếu	-	2.840.137.500
	<u>292.189.900</u>	<u>3.434.763.399</u>

**20 DOANH THU KHÁC**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015 VNĐ	30.6.2014 VNĐ
Lãi tiền gửi	9.703.785.888	8.169.364.021
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	-	2.026.188.616
Doanh thu khác	68.381.484	104.203.490
	<u>9.772.167.372</u>	<u>10.299.756.127</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

Mẫu số B 09a – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015****21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	30.6.2014
	VND	VND
Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	730.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.036.380	488.959.994
Chi phí nhân viên	325.708.387	429.384.803
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	212.020.575	254.821.454
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	97.812.700	132.864.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.339.000	125.776.330
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(602.893.342)	4.266.164.917
	<u>1.273.023.700</u>	<u>5.697.971.541</u>

**22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015	30.6.2014
	VND	VND
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi (Thuyết minh 7)	2.500.000.000	(4.722.051.663)
Chi phí nhân viên quản lý	1.008.061.835	1.500.424.051
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.137.323.431	1.593.462.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.538.478	254.258.222
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.050.000
Chi phí bằng tiền khác	-	18.832.098
	<u>4.763.923.744</u>	<u>(1.351.024.581)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**23 THUẾ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2015</b>	<b>30.6.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.065.227.486	9.786.961.019
Thuế tính ở thuế suất 22%:	894.350.047	2.153.131.424
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(64.281.778)	(130.817.697)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	830.068.269	2.022.313.727
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	1.380.068.269	983.462.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 11)	(550.000.000)	1.038.851.366
	830.068.269	2.022.313.727

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2015</b>	<b>30.6.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	3.235.159.217	7.764.647.292
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	108	259

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**25 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Công ty mẹ”) do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2015 VNĐ	30.6.2014 VNĐ
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	21.355.570	46.185.538
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Phí thuê văn phòng	-	30.000.000
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	216.000.000	224.310.760
<b>iv) Các giao dịch khác</b>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty mẹ nhờ trả hộ cổ tức	377.537.600	384.679.700
Cổ tức đã trả hộ cho Công ty mẹ	52.614.360	44.499.500

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**25 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	<b>30.6.2015</b> VNĐ	<b>31.12.2014</b> VNĐ
<b>Phải trả khác</b>		
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 14)	2.084.164.000	2.850.730.000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của Công ty mẹ	<u>7.342.476.150</u>	<u>1.733.887.863</u>
<b>Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>		
Cổ tức phải trả hộ cho Công ty mẹ (Thuyết minh 16)	<u>1.446.035.680</u>	<u>1.121.112.440</u>

**26 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**


Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>30.6.2015</b> VNĐ	<b>31.12.2014</b> VNĐ
Dưới 1 năm	602.154.000	602.154.000
Từ 2 năm đến 5 năm	88.650.450	401.436.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>690.804.450</u>	<u>1.003.590.000</u>

**27 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với các thay đổi trong việc trình bày của năm hiện tại.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Quyền Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2015.

  
\_\_\_\_\_  
Phan Tuyết Minh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Hoàng Phương Thanh  
Kế toán

  
\_\_\_\_\_  
Nguyễn Minh Cường  
Quyền Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền